TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2018
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Đào.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Hà Quế Phương**.
Bà **Vũ Thị Mùi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Tú** – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Thắng**– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2016/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2016 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 41a/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 8, xã Xuân T, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1105 Chung cư N, số 69 đường 18, khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố H.

-Bị đơn: Ông **David James S**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 408/360 St K Rd, Melbourne, Victo 304, Australia.

(Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông David James S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/5/2016, bản tự khai ngày 09/6/2016 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Nhung trình bày:

Vào khoảng giữa năm 2014, bà Bùi Thị N quen biết ông David James S trong một chuyến du lịch ở Việt Nam, khi đó bà N là hướng dẫn viên du lịch còn ông David James S là khách du lịch. Trong quá trình du lịch thì hai người cảm thấy nói chuyện hợp nhau và phát sinh tình cảm. Sau khi ông David James S về nước thì cả hai vẫn giữ liên lạc, cảm thấy mến nhau. Trong thời gian quen biết,

ông David James S có qua Việt Nam thăm bà N vài lần. Sau một năm tìm hiểu, hai người quyết định đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 473 ngày 25/4/2015 nhưng chưa tiến hành lễ cưới. Sau khi kết hôn, hai người chỉ sống chung với nhau được khoảng 01 tháng sau đó ông David James S trở về Úc. Cả hai dự định tổ chức đám cưới vào tháng 12/2015. Đến khoảng tháng 11/2015, giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do xa cách về mặt địa lý, ít có điều kiện gặp nhau nên dẫn đến việc nhiều lần cãi vã, ông David James S thường xuyên ghen tuông, thiếu tin tưởng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N. Mặc dù hai người đã nhiều lần hòa giải, bà N cũng nhiều lần tạo điều kiện để hàn gắn nhưng ông David James S vẫn không thay đổi mà càng ghen tuông nhiều hơn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa hai người trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm đối với ông David James S nên bà N nộp đơn xin ly hôn với ông David James S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại thư đề ngày 06/12/2016 (bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt của Phòng Công chứng số 1), bị đơn ông David James S trình bày:

Ông David James S xác nhận ông là chồng của bà Bùi Thị N. Ông David James S muốn tiến hành ly hôn và muốn chuẩn bị những lời tuyên bố sau đây để đưa vào cuộc điều trần ly hôn: Vì sự không chung thủy của vợ ông là bà N trong suốt cuộc hôn nhân nên hai người không thể tiếp tục được, sự thiếu trung thực của bà N và không quan tâm đến việc ngăn chặn sự ngoại tình và những cơ hội hòa giải đã thất bại. Ông David James S muốn tiến hành ly hôn với bà Bùi Thị N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông David James S khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự , bị đơn chưa chấp hành đung quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Bùi Thị Nhung và ông David James S có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì ông David James S trở về Australia và không trở lại Việt Nam nữa, hai vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Do cách xa về địa lý, không cùng ngôn ngữ và văn hóa, ít có điều kiện gặp nhau dẫn đến việc thiếu tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu được ly hôn với ông David James S là có căn cứ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông David James S. Về con chung và tài sản chung, nợ chung bà N và ông David James S khai không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

Ông David James S đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai , Việt Nam thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp và đăng báo trên cổng thông tin điện tử theo quy định (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử) theo quy định tại Điều 474 và Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông David James S không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông David James S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N và ông David James S xây dựng gia đình vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện , đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 473 ngày 25/4/2015, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 tháng thì ông David James S trở về Australia. Vợ chồng chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại. Theo bà N trình bày sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau khoảng 01 tháng, sau đó ông David James S về Australia giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do xa cách về mặt địa lý, ít có điều kiện gặp nhau nên dẫn đến việc nhiều lần cãi vã, ông David James S thường xuyên ghen tuông, thiếu tin tưởng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N. Mặc dù hai người đã nhiều lần hòa giải, bà N cũng nhiều lần tạo điều kiện để hàn gắn nhưng ông David James S vẫn không thay đổi mà càng ghen tuông nhiều hơn. Còn theo ông David James S cho rằng vì sự không chung thủy, không trung thực của bà N nên không thể tiếp tục cuộc hôn nhân, cơ hội hòa giải đã thất bại, nên muốn tiến hành ly hôn với bà N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông David James S thật sự trầm trọng, thời gian xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N có yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông David James S khai không có. Nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Bà N phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 273, Điều 474, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 01/7/2009 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị N. Bà Bùi Thị N được ly hôn ông David James S.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 200.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 004996 ngày 20/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà N phải chịu. Bà N đã nộp đủ án phí.

Bà Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông David James S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đồng Nai (1)
-Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1)
-Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào